TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN DƯƠNG** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 90/2023/HNGĐ-ST Ngày 29-8-2023 V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN DƯƠNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lê Ngọc Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Văn Dung

Bà Bùi Thị Nhàn

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Nguyễn Thị Hằng, Thư ký Toà án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà***: Bà Đặng Thị Thơ - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở, Toà án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 62/2023/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2023 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 72/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 62/2023/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị T; Nơi cư trú: Thôn N, xã A, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

Bị đơn: Anh Nguyễn Bá D; Nơi cư trú: Thôn N, xã A, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện ngày 24 tháng 4 năm 2023 và quá trình tố tụng, nguyên đơn chịPhạm Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Nguyễn Bá D trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã A, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng vào ngày 01 tháng 11 năm 2011. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng gia đình anh D tại thôn N, xã A, huyện An Dương, thành phố Hải

Phòng. Vợ chồng chung sống vui vẻ hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, anh D không quan tâm đến gia đình, vợ con nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau và mâu thuẫn đã được gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Do mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng nên chị và anh D đã sống ly thân, không ai còn quan tâm và có trách nhiệm với ai nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng không thể khắc phục được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Bá D.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Bá G, sinh ngày 17 tháng 6 năm 2013 và Nguyễn Bá S, sinh ngày 26 tháng 12 năm 2016. Ly hôn chị đề nghị Tòa án giao hai con chung cho chị nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: ChịPhạm Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Bá D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không lý do và không có quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn chị Phạm Thị T.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã chấp hành đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn đã vi phạm Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự khi không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử, căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 39 của Bộ luật Dân sự; các điều 51, 56, 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình: Về quan hệ hôn nhân, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị T được ly hôn anh Nguyễn Bá D. Về con chung: Giao hai con chung Nguyễn Bá G, sinh ngày 17 tháng 6 năm 2013 và Nguyễn Bá S, sinh ngày 26 tháng 12 năm 2016 cho chị Phạm Thị T trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn. Về cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung: Không xem xét giải quyết. Về án phí: ChịPhạm Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: ChịPhạm Thị T khởi kiện ly hôn đối với anh Nguyễn Bá D, yêu cầu khởi kiện của chị Thảo thuộc trường hợp ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Nguyễn Bá D hiện đang cư trú tại xã A, huyện An Dương, T.P Hải Phòng nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a

khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Dương, T.P Hải Phòng.

[2] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Nguyên đơn chịPhạm Thị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn anh Nguyễn Bá D đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn chịPhạm Thị T và bị đơn anh Nguyễn Bá D.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ lời khai của nguyên đơn, tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và do Tòa án thu thập, đủ cơ sở xác định: ChịPhạm Thị T và anh Nguyễn Bá D kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng vào ngày 01 tháng 11 năm 2011, theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình đây là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi nhau, hiện tại vợ chồng đã sống ly thân không ai còn quan tâm đến ai. Xét thấy, tình trạng hôn nhân của chị Thảo và anh D đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của chị T là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: ChịPhạm Thị T và anh Nguyễn Bá D có hai con chung là Nguyễn Bá G, sinh ngày 17 tháng 6 năm 2013 và Nguyễn Bá S, sinh ngày 26 tháng 12 năm 2016. Xét, con chung Nguyễn Bá G và Nguyễn Bá S hiện chưa đủ 18 tuổi nên việc nuôi dưỡng con chung sau ly hôn là trách nhiệm và nghĩa vụ của cha mẹ. Quá trình giải quyết vụ án anh D không có quan điểm về việc nuôi con, hiện tại các con chung do chị Thảo trực tiếp nuôi dưỡng và các con chung đều có nguyện vọng được ở với chị T. Do vậy, để đảm bảo quyền lợi của các con nên chấp nhận yêu cầu của chị Thảo về con chung là phù hợp với quy định tại khoản 1, 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về việc cấp dưỡng nuôi con và tài sản: ChịPhạm Thị T có quan điểm không yêu cầu Tòa án giải quyết còn anh D không có quan điểm về các vấn đề này nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: ChịPhạm Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn pháp luật quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 39 của Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, khoản 1, 2 Điều 81, Điều 82 và Điều

83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 6 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: ChịPhạm Thị T được ly hôn anh Nguyễn Bá D.

2. Về con chung: Giao hai con chung Nguyễn Bá G, sinh ngày 17 tháng 6 năm 2013 và Nguyễn Bá S, sinh ngày 26 tháng 12 năm 2016 cho chịPhạm Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Thời hạn nuôi con tính từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật cho đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về việc cấp dưỡng và tài sản: Không giải quyết.

4. Về án phí: ChịPhạm Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chịPhạm Thị T đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0004541 ngày 17 tháng 5 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện An Dương;
- Chi cục THADS huyện An Dương;
- UBND xã A;
- Tòa án nhân dân T.P Hải Phòng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Ngọc Phương